**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**THỊ XÃ BA ĐỒN**
**TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/KDTM-ST
Ngày 19 - 5 - 2022
V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Tưởng Thị Hà
*Các Hội thẩm nhân dân*:
1. Ông Mai Văn Chương
2. Ông Hoàng Công Nghĩa

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Ngô Thục Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Quốc Trọng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2021/TLST- KDTM ngày 27 tháng 12 năm 2021 về "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXXST-KDTM ngày 06 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng T;

Địa chỉ: Tòa nhà Thaiholdings Tower, số 210 đường Trần Quang Khải, phường T, quận H, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S - Tổng Giám đốc Ngân hàng T

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Văn C - Giám đốc Ngân hàng T

Người được ủy quyền lại: Ông Lê Vũ H - Tổ trưởng tổ HTHĐ, Ngân hàng T

Địa chỉ: 06A Trần Hưng Đạo, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH dịch vụ thương mại N

Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn Q, sinh năm 1963 - Chủ tịch kiêm giám đốc công ty TNHH dịch vụ thương mại N

Nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/11/2021, bản tự khai, quá trình hòa giải và tại phiên toà, nguyên đơn Ngân hàng T (sau đây gọi tắt là Ngân hàng L) trình bày:

Ngày 29/3/2019, Công ty TNHH DV TM N (sau đây gọi tắt là Công ty N) ký kết hợp đồng tín dụng số HĐTD4502019296 với Ngân hàng L để vay số tiền 496.000.000 đồng; thời hạn vay 60 tháng; mục đích là để thanh toán tiền mua xe ô tô; lãi suất cho vay trong hạn là 10,7%/năm, cố định trong 03 tháng đầu tiên kể từ ngày bên vay bắt đầu nhận nợ, lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% nợ trong hạn; lãi suất nợ lãi chậm trả do hai bên thỏa thuận bằng 10%/năm.

Khoản vay trên được bảo đảm bằng biện pháp thế chấp xe ô tô con, nhãn hiệu MITSUBISHI, số loại XPANDER GLP, biển kiểm soát 73A-126.19 theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 41/2019/HĐTC/CNQuangBinh ngày 29/3/2019.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty N đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc số tiền là 223.290.167 đồng và lãi là 79.080.497 đồng. Ngày 31/7/2021, Công ty N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngày 10/8/2021, Ngân hàng L đã chuyển khoản nợ sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 19/5/2022, số tiền nợ gốc và lãi mà Công ty N phải trả cho Ngân hàng L là 306.808.383 đồng (trong đó, tiền gốc là 272.709.833 đồng, tiền lãi trên nợ gốc là 26.272.557 đồng, tiền lãi trên nợ gốc quá hạn là 6.701.909 đồng, tiền lãi chậm trả lãi là 1.124.084 đồng). Vì vậy, Ngân hàng L yêu cầu Công ty N trả toàn bộ nợ gốc và lãi như đã nêu trên cho Ngân hàng .

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập cho các đương sự đến tham gia giải quyết vụ án nhiều lần nhưng chỉ có nguyên đơn có mặt, phía bị đơn đều vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai của đại diện Công ty N và tổ chức để các đương sự hòa giải với nhau được. Toà án đã đến làm việc tại Uỷ ban nhân dân (UBND) phường Q và đến tại nhà của Giám đốc Công ty N (ông Q để tống đạt các văn bản tố tụng liên quan. Tuy nhiên, ông Q không có mặt ở nhà. Qua xác minh tại UBND phường Q, kết quả cho thấy: Sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, Uỷ ban đã cử người đến nhà ông Trần Văn Q (Giám đốc công ty N) nhiều lần để giao các văn bản tố tụng mà Toà án gửi đến, nhưng không giao được do ông Q không có mặt ở nhà. Theo Công an phường Q cung cấp thông tin thì ông Trần Văn Q có đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường Q nhưng hiện nay ông Q vắng mặt tại địa phương. Vì vậy, Toà án đã tiến hành niêm yết các

văn bản tố tụng liên quan đối với Công ty N theo quy định của pháp luật. Trên cơ sở đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vào ngày 20 tháng 4 năm 2022, nhưng ông Q không có mặt để giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên toà. Ngày 19/5/2022, Toà án tiếp tục mở phiên toà lần hai, niêm yết công khai Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập đến phiên toà, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Q vẫn tiếp tục vắng mặt. Vì vậy, Toà án tiến hành giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B tham gia phiên toà phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Toà án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, không có vấn đề gì vi phạm. Nguyên đơn tuân thủ nghiêm chỉnh sự triệu tập của Tòa án, thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn mặc dù được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 30, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng ngân hàng; các Điều 116, 117, 299, 317, 319, 398, 401, 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xét xử vụ án vắng mặt đại diện Công ty N là ông Trần Văn Q

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng L, buộc Công ty N có nghĩa vụ trả toàn bộ số nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (19/5/2022), số tiền là 306.808.383đồng (trong đó, tiền gốc là 272.709.833 đồng, tiền lãi trên nợ gốc là 26.272.557 đồng, tiền lãi trên nợ gốc quá hạn là 6.701.909 đồng, tiền lãi chậm trả lãi là 1.124.084 đồng) cho Ngân hàng L. Trường hợp Công ty N không trả được nợ thì đề nghị Tòa án tuyên xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 41/2019/HĐTC/CNQuangBinh ngày 29/3/2019 để thu hồi nợ.

Buộc Công ty TNHH DV TMTH N phải nộp án phí theo đúng quy định của pháp luật để sung vào công quỹ nhà nước. Trả lại cho Ngân hàng T số tiền tạm ứng án phí là 7.125.000 đồng *(Bảy triệu một trăm hai mươi lăm đồng)* đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0003306 ngày 24/12/2021)

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Ngân hàng L có đơn khởi kiện về việc Tranh chấp Hợp đồng tín dụng đối với Công ty N. Hiện tại Công ty N có trụ sở công ty tại tổ dân phố T,

phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vì vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình

-Về sự vắng mặt của đại diện Công ty N: Tại phiên tòa vắng mặt ông Trần Văn Q nhưng xét thấy, Toà án đã triệu tập hợp lệ hai lần nhưng ông Q vắng mặt không rõ lý do. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vụ án vắng mặt ông Trần Văn Q.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét Hợp đồng tín dụng số HĐTD4502019296 ngày 29/3/2019 đã ký kết giữa Ngân hàng L với Công ty N được ký kết dựa trên ý chí tự nguyện và các bên đều có đủ năng lực tham gia giao dịch dân sự; mục đích, nội dung và hình thức hợp đồng đều tuân thủ theo đúng quy định tại các Điều 116, 117, 398, 401 Bộ luật Dân sự. Vì vậy, đây là hợp đồng hợp pháp, là căn cứ để giải quyết về quyền và nghĩa vụ của các bên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty N đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng đã ký kết. Phía Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu Công ty N trả nợ nhưng đến nay Công ty N chỉ trả được 223.290.167 đồng tiến gốc và 79.080.497 đồng tiền lãi. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (19/5/2022), Công ty N còn nợ ngân hàng L số tiền là 306.808.383đồng (trong đó, tiền gốc là 272.709.833 đồng, tiền lãi trên nợ gốc là 26.272.557 đồng, tiền lãi trên nợ gốc quá hạn là 6.701.909 đồng, tiền lãi chậm trả lãi là 1.124.084 đồng). Vì vậy, Công ty N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, là bên có lỗi trong việc thực hiện các thoả thuận đã ký kết trong hợp đồng. Do đó, việc Ngân hàng L khởi kiện yêu cầu Công ty N trả toàn bộ số nợ gốc và lãi như đã nêu trên là đúng với thoả thuận của các bên theo quy định tại hợp đồng đã ký kết và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng ngân hàng; các Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự nên cần được chấp nhận.

[2.1] Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Xét thấy Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 41/2019/HĐTC/CNQuangBinh ngày 29/3/2019 được chứng thực và được đăng ký giao dịch bảo đảm đúng theo quy định của pháp luật. Tài sản thế chấp là xe ô tô con, nhãn hiệu MITSUBISHI, số loại XPANDER GLP, biển kiểm soát 73A-126.19, được Công an tỉnh Quảng Bình cấp giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 023314 ngày 26/3/2019, là tài sản của Công ty Nhật Minh. Vì vậy, trường hợp Công ty N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ngân hàng L yêu cầu Tòa án tuyên xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 299 Bộ luật Dân sự nên cần được chấp nhận.

[3] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn Công ty N phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm số tiền cụ thể là 15.340.000 đồng để sung vào công quỹ Nhà nước;

[4] Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 116, 117, 299, 317, 319, 398, 401, 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng ngân hàng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xét xử vắng mặt đại diện Công ty TNHH dịch vụ thương mại N là ông Trần Văn Q

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng T. Buộc Công ty TNHH dịch vụ thương mại N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng T số tiền tính đến ngày 19/5/2022 là 306.808.383 đồng (trong đó, tiền gốc là 272.709.833 đồng, tiền lãi trên nợ gốc là 26.272.557 đồng, tiền lãi trên nợ gốc quá hạn là 6.701.909 đồng, tiền lãi chậm trả lãi là 1.124.084 đồng).

Trường hợp Công ty TNHH dịch vụ thương mại N không trả được nợ thì Ngân hàng T được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 41/2019/HĐTC/CNQuangBinh ngày 29/3/2019 mà các bên đã ký kết. Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà vẫn không đủ để trả nợ cho khoản vay thì buộc Công ty TNHH dịch vụ thương mại N tiếp tục trả số tiền còn thiếu cho Ngân hàng T.

3. Về án phí: Buộc Công ty TNHH dịch vụ thương mại N phải nộp 15.340.000 đồng *(Mười lăm triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước. Trả lại cho Ngân hàng T số tiền tạm ứng án phí là 7.125.000 đồng *(Bảy triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng)* đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0003306 ngày 24/12/2021)

*"Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm (ngày 19/5/2022) cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản nợ gốc còn lại cho đến khi thi hành xong, theo mức lãi suất thoả thuận trong hợp đồng tín dụng.*

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".*

4. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (đối với người có mặt) và trong 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án (đối với người vắng mặt).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

***( Đã ký)***

**Tưởng Thị Hà**

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.